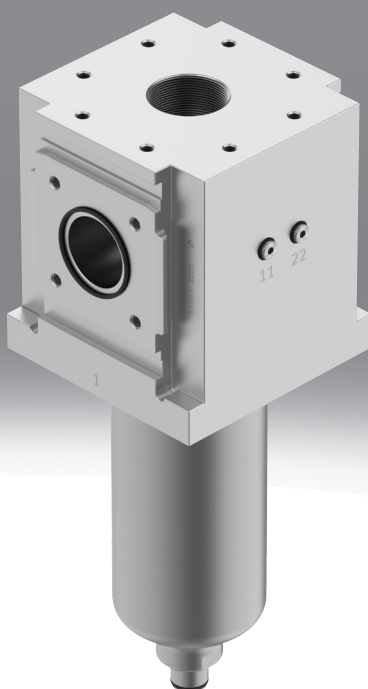


Bộ lọc tinh PFML

FESTO



Đặc trưng

Tổng quan

Bộ lọc siêu mịn với các hộp lọc làm bằng borosilicate vi mịn nung chảy nhiệt và sợi polyester ổn định. Hướng dòng chảy qua các hộp lọc từ trong ra ngoài.

Thoát nước ngưng thông qua ren kết nối G1/2 ở mặt dưới của bát lọc, có thể đo chênh lệch áp suất thông qua hai ren kết nối G1/8 ở mặt trước và mặt sau.

Van chuyển mạch PVEL có thể được kết nối bằng đầu nối kép hoặc trực tiếp bằng các tấm kết nối đặc biệt tại cổng nối thay thế 1 trên đầu bộ lọc siêu mịn.

- Cho các ứng dụng cao áp
- Kích thước 90 mm, 186 mm
- Độ mịn bộ lọc 0,01 µm
- Cổng nối khí nén thay thế 1 trên cùng của vỏ với ren trong

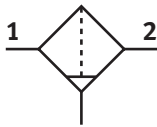
Mã mẫu

001	Dòng	
PFML	Bộ lọc siêu mịn PFML	
002	Kích thước	
90	90 mm	
186	186 mm	
003	Khoảng áp suất	
HP3	Lên đến 50 bar	

004	Lưu lượng	
	Tiêu chuẩn	
H	Lưu lượng cao	
005	Thiết kế bộ lọc	
A	0,01 µm	
006	Thiết kế vỏ	
ST	Thép	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung



Kích thước	90	186
Lưu lượng	Tiêu chuẩn [L]	Lưu lượng cao [H]
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây	
Vị trí lắp đặt	đọc +/- 5°	
Cấu trúc xây dựng	Bộ lọc sợi	
Độ mịn bộ lọc	0,01 µm	
Hiệu quả lọc	99,99998%	
Cấp độ sạch không khí tại đầu ra	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [1:4:2]	
Cổng xả nước ngưng tụ	thủ công	
Lượng nước ngưng tụ tối đa	200 cm³	400 cm³
Khối lượng	3	6,7

Các điều kiện vận hành và môi trường

Kích thước	90	186
Áp suất vận hành	0 ... 5 MPA	
Áp suất vận hành	0 ... 50 bar	
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [2:4:4] Khí trơ	
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu	
Nhiệt độ môi trường xung quanh	5 ... 60°C	
Nhiệt độ trung bình	5 ... 60°C	
Nhiệt độ bảo quản	-10 ... 60°C	
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải	
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo Chỉ thị thiết bị áp suất của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) ³⁾	theo Quy định về thiết bị áp suất của Vương quốc Anh	
Phù hợp với thực phẩm ⁴⁾	xem thông tin tài liệu bổ sung	

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/pfml → Support/Downloads.
3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/pfml → Support/Downloads.
4) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/pfml → Support/Downloads.

Lưu lượng bình thường

Kích thước	90	186
Lưu lượng	Tiêu chuẩn [L]	Lưu lượng cao [H]
Lưu lượng thông thường tối thiểu cho cấp độ sạch không khí ¹⁾	—	3.406 l/ph 6.326 l/ph
Lưu lượng tối đa bình thường cho cấp độ sạch của không khí ²⁾	10.220 l/ph	18.980 l/ph

1) đối với p1 = 6 bar
2) đối với p1 = 6 bar

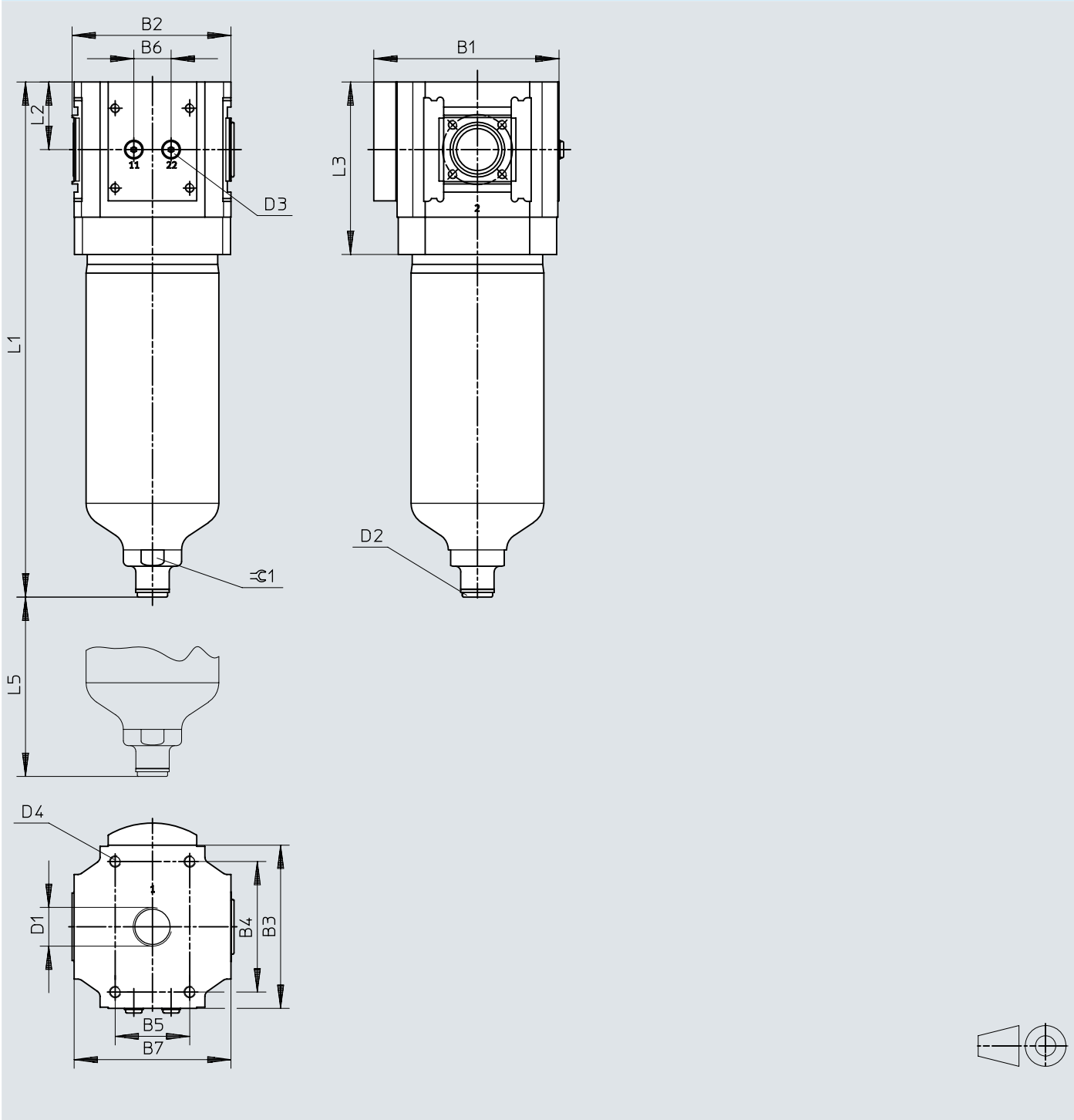
Bảng dữ liệu

Vật liệu	
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu vỏ	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu bộ lọc	Sợi borosilicat
Vật liệu của phớt	NBR
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Kích thước

Kích thước – PFML-90-HP3-AST

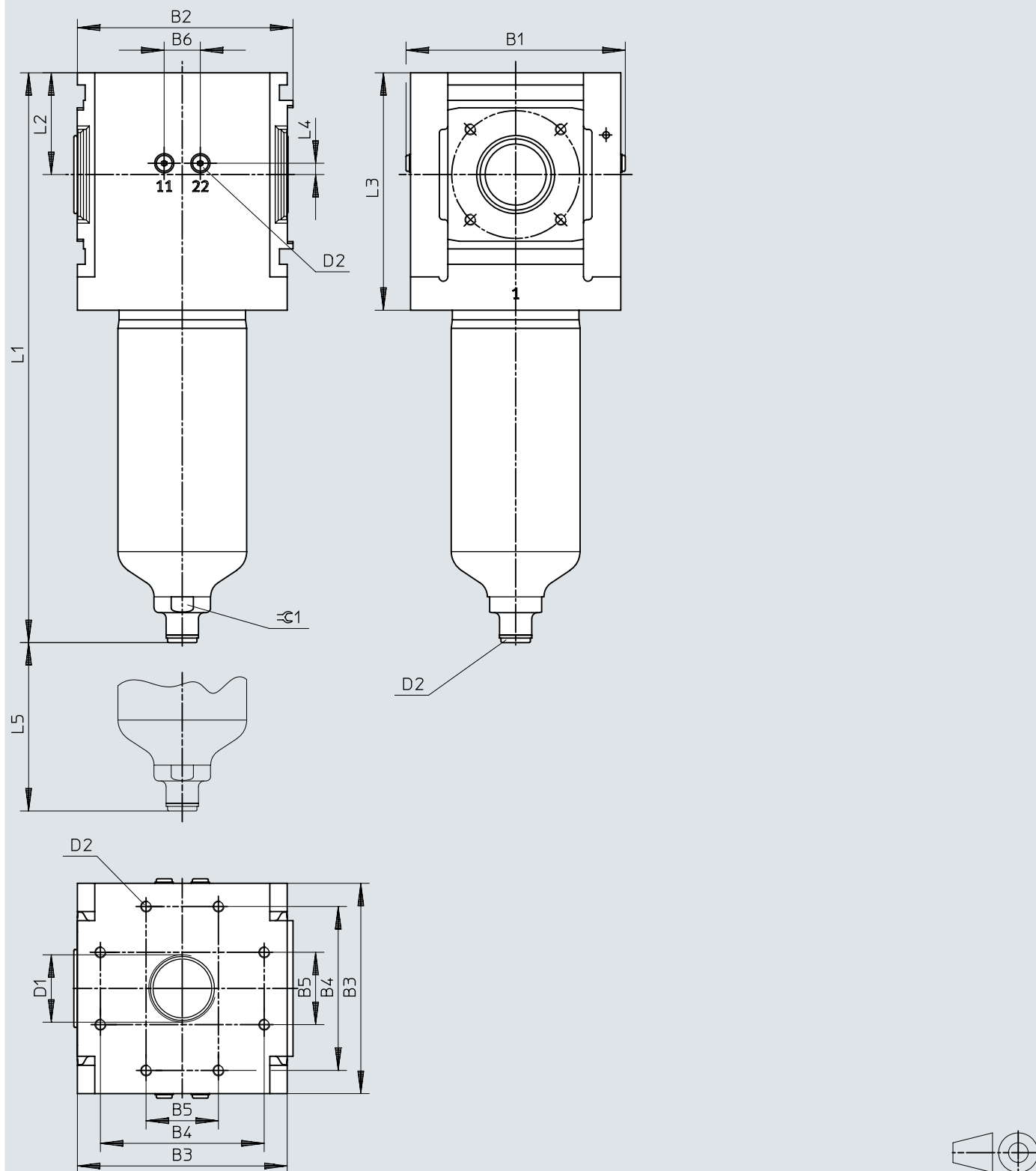
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	D1	D2	D3	D4	L1	L2	L3	L5 min.	≈ 1
PFML-90-HP3-AST	159	137	140	112	64	32	135	G1	G1/2	G1/8	M10	442	58	148	210	46

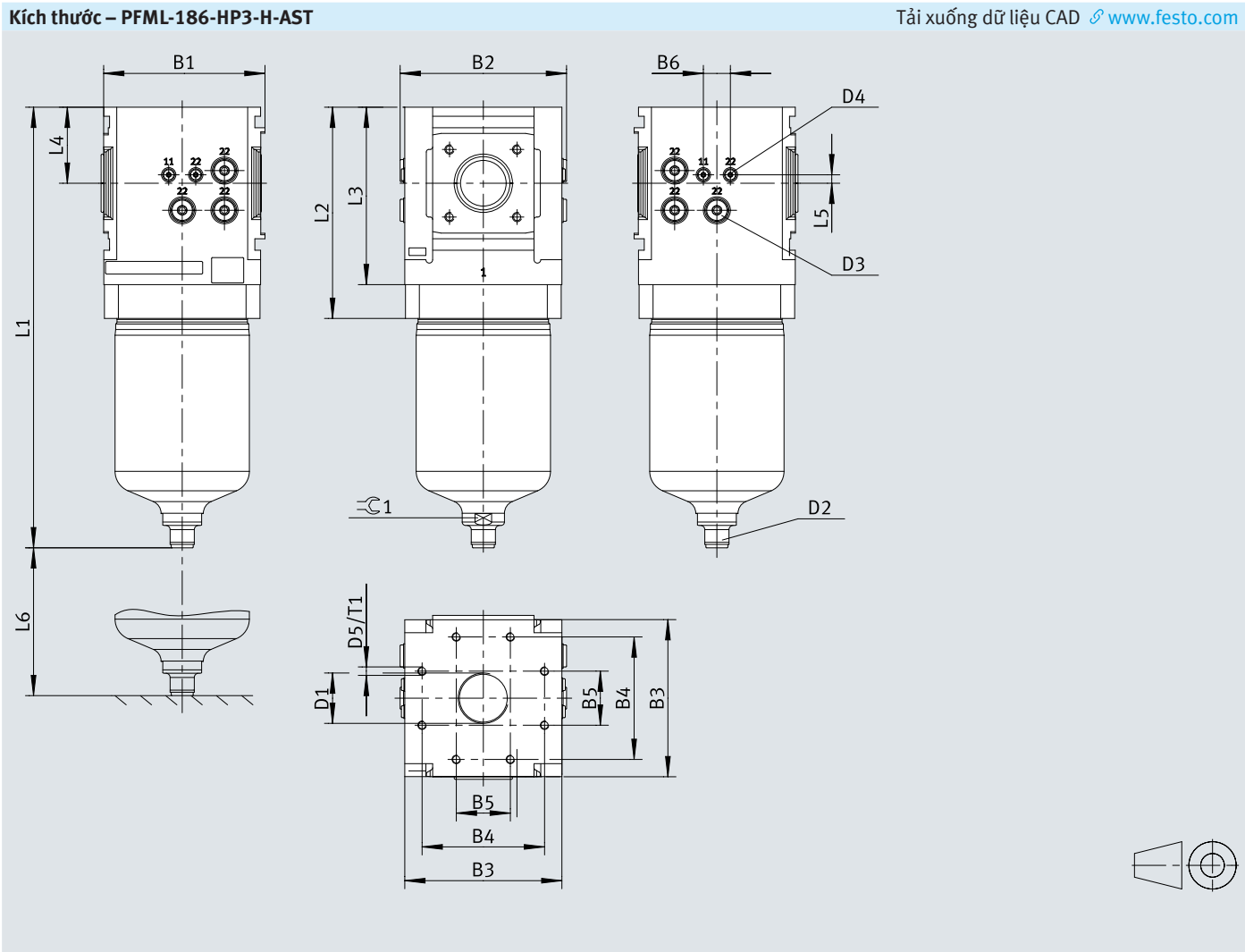
Kích thước

Kích thước – PFML-186-HP3-AST

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

Typ	B1	B2	B3	B4	B5	B6	D1	D2	D3	D4	L1	L2	L3	L4	L5 min.	$\varnothing 1$
PFML-186-HP3-AST	194	191	186	145	64	32	G2	G1/2	G1/8	M10	504	90	210	10	210	46

Kích thước

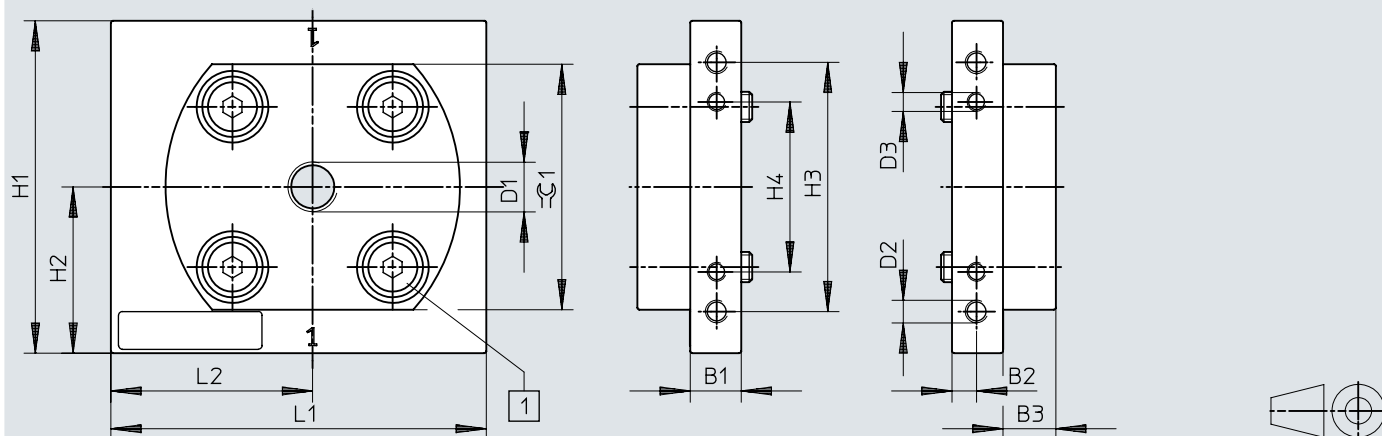


Typ	B1	B2	B3	B4	B5	B6	D1	D2	D3
PFML-186-HP3-H-AST	191	197	186	145	64	32	G2	G1/2	G1/2

Typ	D4	D5	L1	L2	L3	L4	L5	L6 min.	T1	≈G 1
PFML-186-HP3-H-AST	G1/8	M10	~522	250	210	90	10	200	20	46

Kích thước

Kích thước – Tấm kết nối PAML-CP-90-HP3-G14/G12/G34/G1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

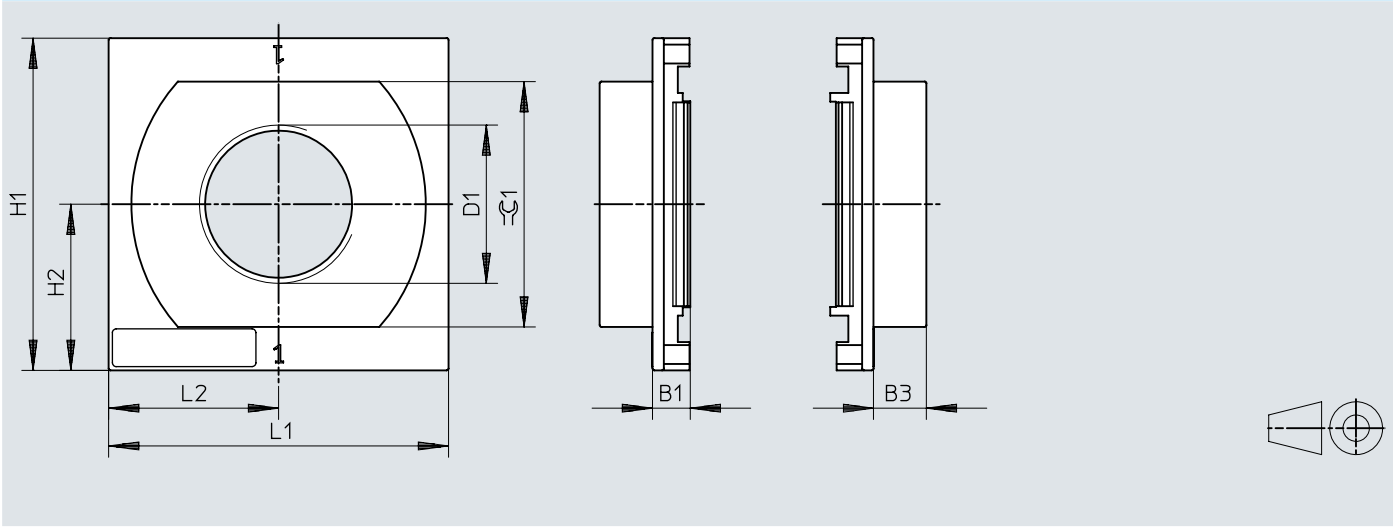
[1] Vít xy lanh M8x25

	B1	B2	B3	D1	D2 ¹⁾	D3	H1	H2	H3	H4	L1	L2	±1
PAML-CP-90-HP3-G14	13,5	6,5	14	G1/4	M6x10	M5x9	88	44	66	45	~99	~53	65
PAML-CP-90-HP3-G14				G1/2									
PAML-CP-90-HP3-G14				G3/4									
PAML-CP-90-HP3-G14				G1									

1) Ren để gắn tường của thiết bị bảo trì không có bắt gá

Kích thước

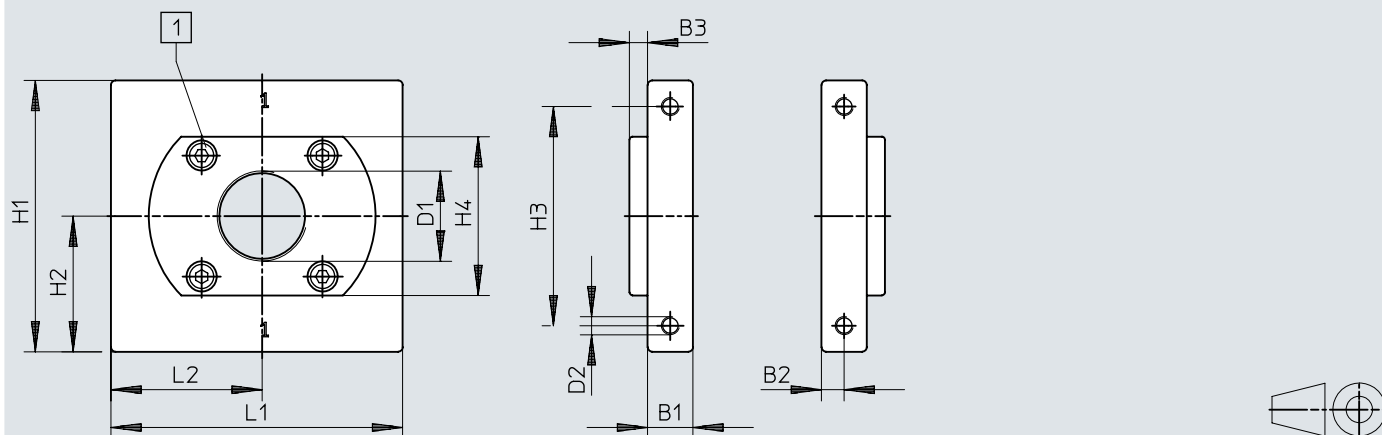
Kích thước – Tấm kết nối PAML-CP-90-HP3-G114 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	B3	D1	D3	H1	H2	L1	L2	±G 1
PAML-CP-90-HP3-G114	10	14	G1 1/4	M5x9	88	44	90	45	65

Kích thước

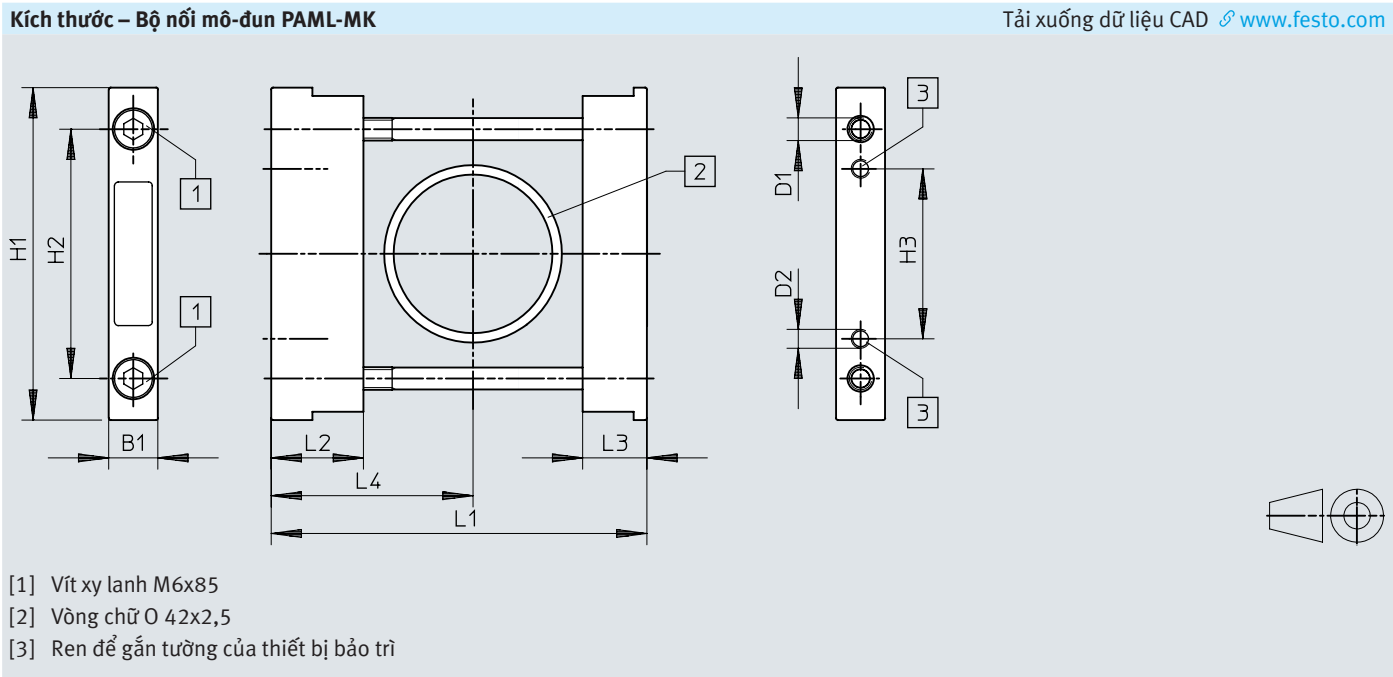
Kích thước – Tấm kết nối PAML-CP-186

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

[1] Vít xy lanh M10x30

	B1	B2	B3	D1	D2	H1	H2	H3	H4	L1	L2
PAML-CP-186-HP3-G14	30	15	12	G1/4	M12	180	90	145	105	193	100
PAML-CP-186-HP3-G114				G1 1/4							
PAML-CP-186-HP3-G112				G1 1/2							
PAML-CP-186-HP3-G2				G2							
PAML-CP-186-HP3-G212			25	G2 1/2							

Kích thước



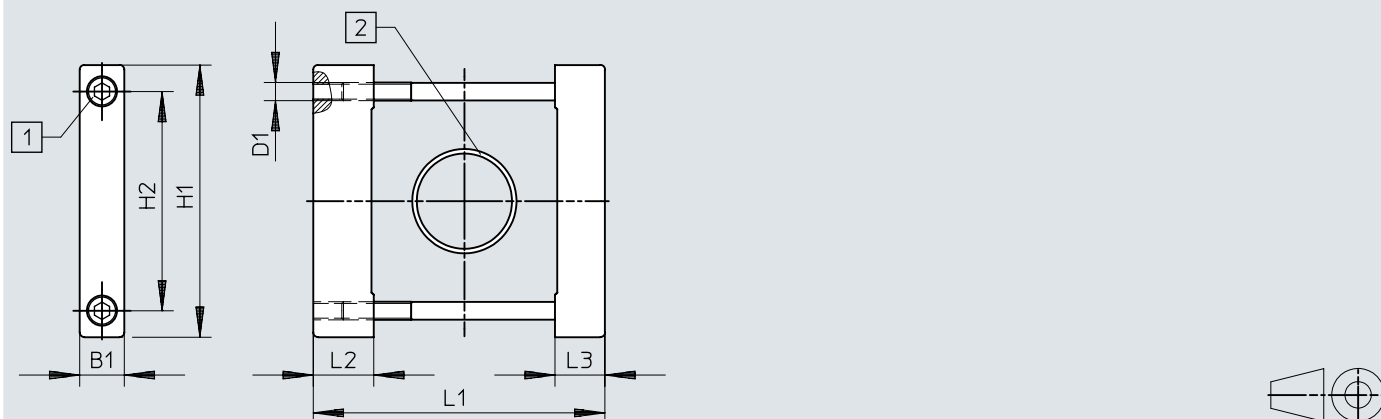
	B1	D1	D2	H1	H2	H3	L1 ¹⁾	L2	L3	L4 ¹⁾
PAML-MK-90-HP3	13	M6	M5x9	88	66	45	99	24,4	17	~53

1) Kích thước khi lắp ráp

Kích thước

Kích thước – Mô đun kết nối PAML-MK-186

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



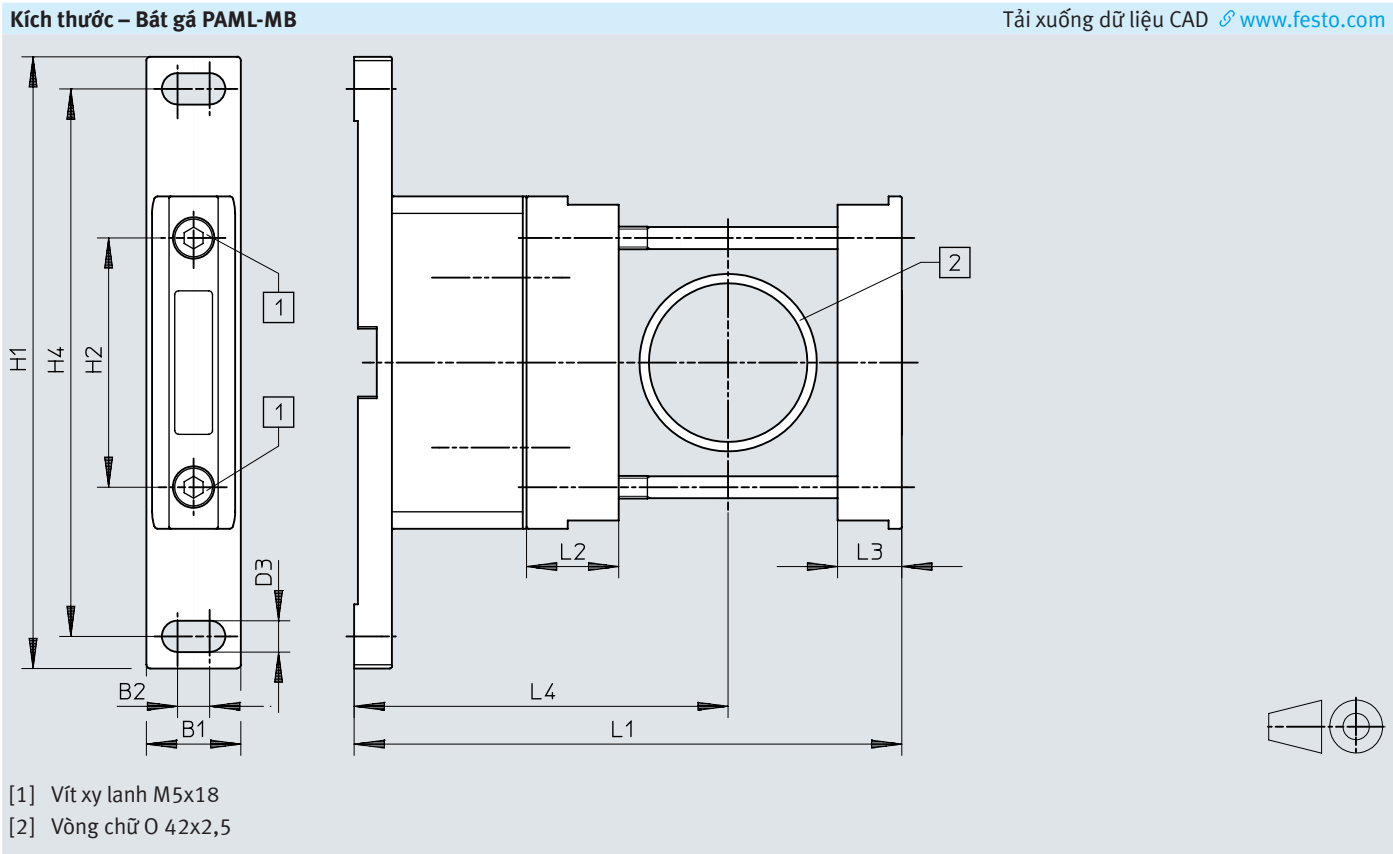
[1] Vít xy lanh M12x160

[2] Vòng chữ O 63x3

	B1	D1	H1	H2	L1 ¹⁾	L2	L3
PAML-MK-186-HP3	29,5	M12	180	145	193	40	33

1) Kích thước khi lắp ráp

Kích thước



	B1	B2	D3	H1	H2	H4	L1 ¹⁾	L2	L3	L4 ¹⁾
PAML-MB-90-HP3	25	8,5	8,3	162	66	145	~145	24,4	17	~99

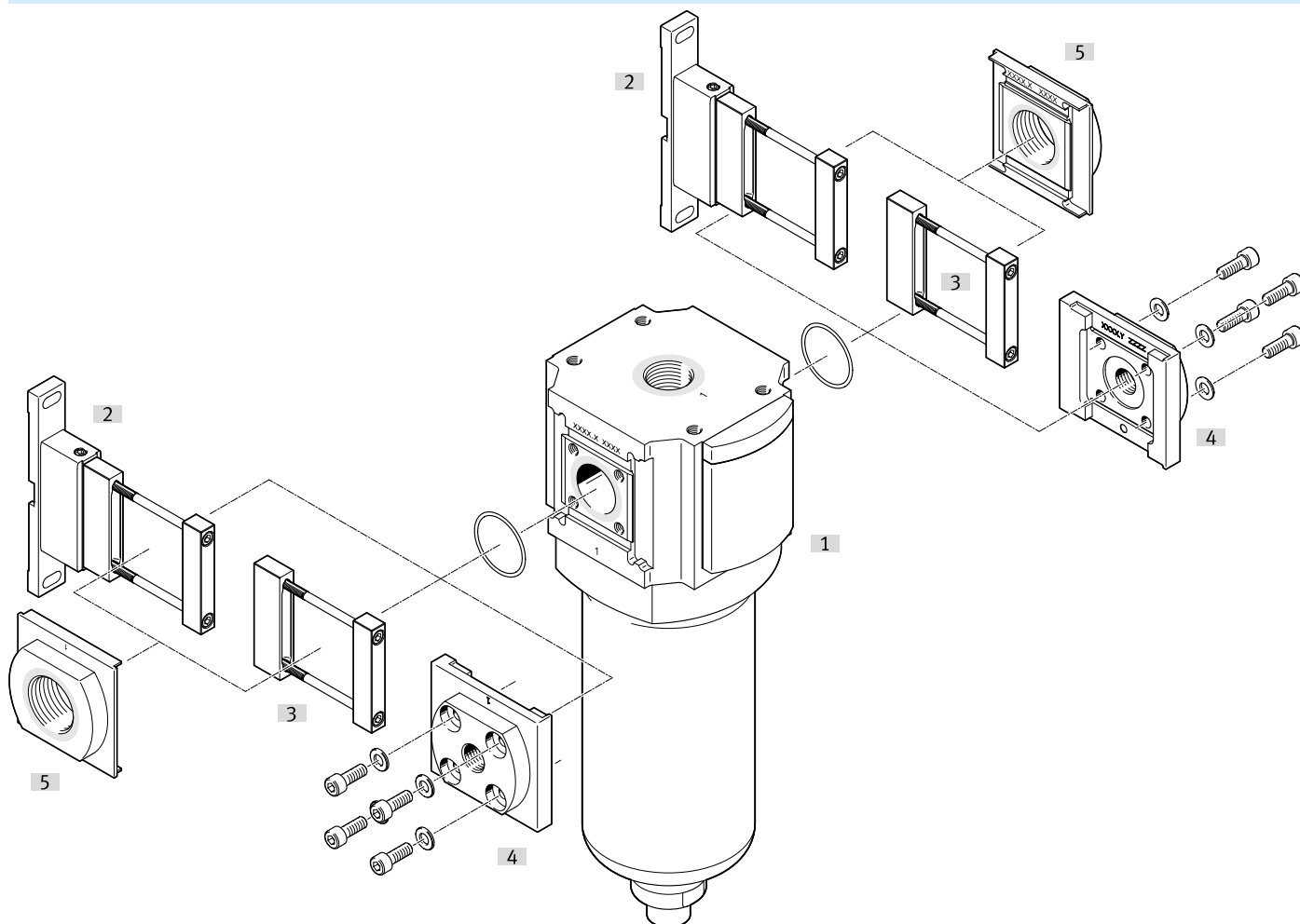
1) Kích thước khi lắp ráp

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng					
	Kích thước	Lưu lượng tối đa bình thường cho cấp độ sạch của không khí	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	90	10.220 l/ph	7.700 g	1612487	PFML-90-HP3-AST
	186		17.900 g	1364705	PFML-186-HP3-AST
		18.980 l/ph	21.000 g	1624062	PFML-186-HP3-H-AST

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

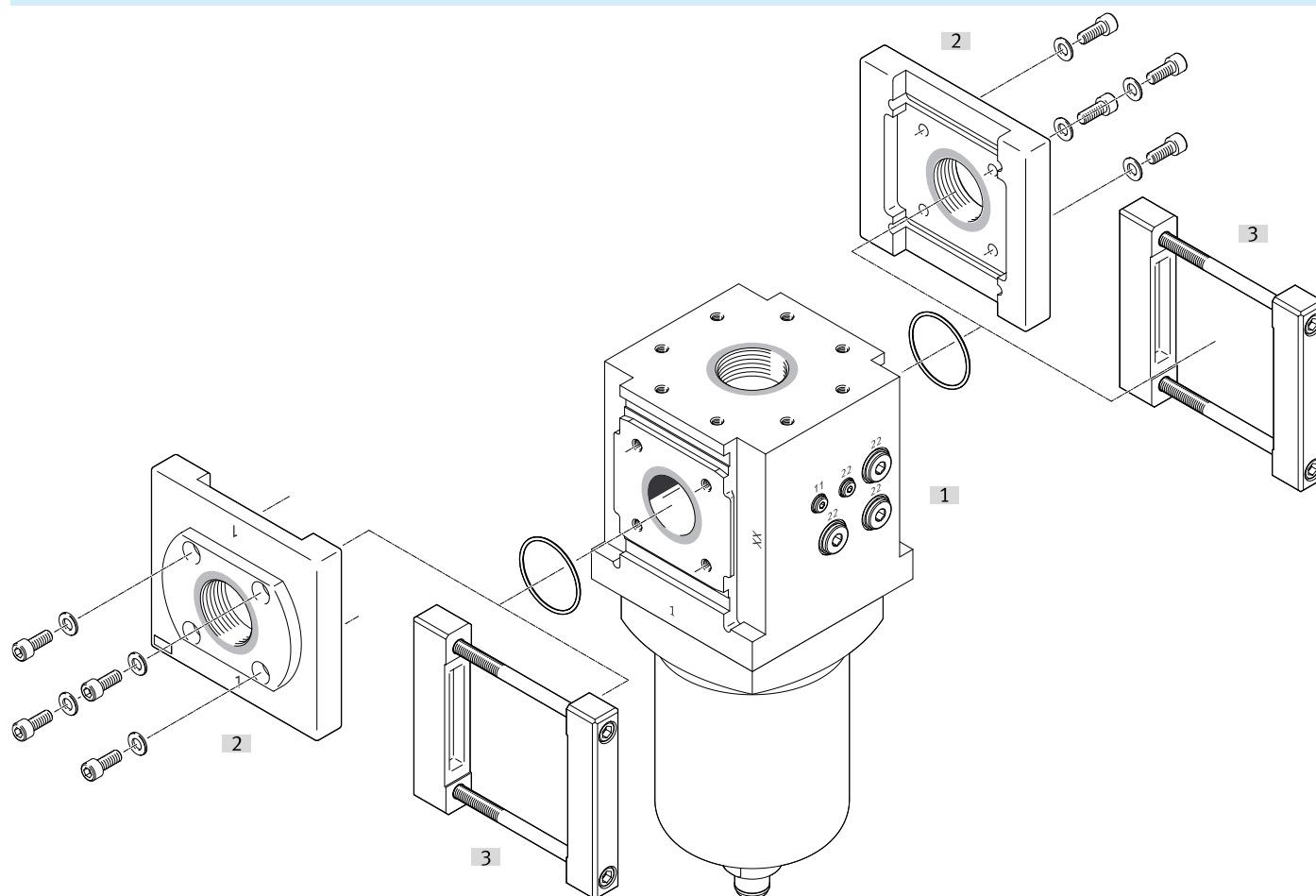
Kích thước 90



Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1]	Bộ lọc siêu mịn PFML	pfml
[2]	Bát gá PAML-MB	18
[3]	Mô đun kết nối PAML-MK	18
[4]	Tấm kết nối PAML-CP-....G14/G12/G34/G1	18
[5]	Tấm kết nối PAML-CP-....G114	18

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Kích thước 186

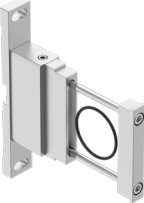


Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1]	Bộ lọc siêu mịn PFML	pfml
[2]	Tấm kết nối PAML-CP	18
[3]	Mô đun kết nối PAML-MK	18

Phụ kiện

Tấm kết nối PAML-CP						
	Kích thước	Cổng nối khí nên 1	Cổng nối khí nên 2	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	90	G1/4	G1/4	800 g	1651540	PAML-CP-90-HP3-G14
		G1/2	G1/2	770 g	1651541	PAML-CP-90-HP3-G12
		G3/4	G3/4	750 g	1651542	PAML-CP-90-HP3-G34
		G1	G1	730 g	1651543	PAML-CP-90-HP3-G1
		G1 1/4	G1 1/4	500 g	1448978	PAML-CP-90-HP3-G114
	186	G1/4	G1/4	4.700 g	1629300	PAML-CP-186-HP3-G14
		G1 1/4	G1 1/4	4.600 g	1629296	PAML-CP-186-HP3-G114
		G1 1/2	G1 1/2	4.500 g	1629297	PAML-CP-186-HP3-G112
		G2	G2	4.400 g	1629298	PAML-CP-186-HP3-G2
		G2 1/2	G2 1/2	4.900 g	1629299	PAML-CP-186-HP3-G212

Mô đun kết nối PAML-MK				
	Kích thước	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	90	150 g	1367005	PAML-MK-90-HP3
	186	1.300 g	1629377	PAML-MK-186-HP3

Bát gá PAML-MB				
	Kích thước	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	90	300 g	1367323	PAML-MB-90-HP3

Hộp lọc PFEL						
	Lưu lượng	Độ mịn bộ lọc	Vật liệu của phốt	Vật liệu bộ lọc	Số bộ phận	Loại
	Tiêu chuẩn	0,01 µm	NBR	Sợi borosilicat	1334716	PFEL-G2-A
	Lưu lượng cao				1471578	PFEL-G212-H-A